

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 39/2023/DS-PT

Ngày: 30 -3- 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Trần Thanh Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H2 Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Nguyễn Thị H2 Thẩm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2023/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H1.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn N.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

3.2. Bà Lê Thị H2.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

3.3. Ông Trần Minh L.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị U là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Vào ngày 06/6/2013 (âm lịch), bà U có mở dây hội mùa 2.000.000 đồng, 4 tháng khai một lần, gồm 26 phần, bị đơn bà H1 tham gia 01 phần. Đến lần thứ 5, bà H1 kêu 1.250.000 đồng, hốt được 22.750.000 đồng. Bà U đã giao đủ tiền hội cho bà H1 và có làm biên nhận vào ngày 01/10/2014 âm lịch. Sau đó, H1 đóng được 20 lần hội chết, còn nợ lại 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng đến nay chưa đóng.

Bà U yêu cầu bà H1 phải trả số tiền hội chết 2.000.000 đồng, không yêu cầu ông N trả vì giao dịch chơi hội chỉ có bà H1 tham gia.

Ngoài dây hội nguyên đơn khởi kiện, bà U thừa nhận bà H1 còn tham gia 02 dây hội do bà U làm chủ. Cụ thể:

- Dây 1: Hội mùa 2.000.000 đồng mở ngày 15/02/2012 (âm lịch), 4 tháng khai một lần, hội gồm 25 phần, bà H1 tham gia 01 phần, đóng hội sống đến lần thứ 23 thì kêu 2.300.000 đồng và hốt được số tiền 41.000.000 đồng.

- Dây 2: Hội tháng 500.000 đồng, bà U không nhớ thời gian mở hội, hội có 37 phần, bà H1 tham gia 02 phần và kêu hốt được số tiền 12.250.000 đồng. Tuy nhiên, trong hai dây hội này mỗi dây có 02 phần hội chết của bà Lê Thị H2 không đóng cho bà U do bà Lê Thị H2 bị bế nợ nên khi hốt hội bà H1 thống nhất cho bà U nợ lại 02 phần hội trong mỗi dây. Khi nào bà Lê Thị H2 đóng hội chết cho bà U thì bà U sẽ trả lại tiền cho bà Thúy H1. Như vậy, đối với dây hội mở ngày 15/02/2012, bà U đã giao tiền cho bà H1 là 37.000.000 đồng vào ngày 25/6/2019 (âm lịch), còn nợ lại 4.000.000 đồng chưa giao. Hội tháng 500.000 đồng bà U chỉ giao hội cho bà H1 là 11.250.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng chưa giao. Tổng cộng bà U chưa giao đủ hội cho bà H1 số tiền là 5.000.000 đồng.

Nay bà U không đồng ý trả cho bà H1 số tiền 5.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H1.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 thống nhất đối với dây hội ngày 06/6/2013 (âm lịch) còn nợ bà U 2.000.000 đồng như bà U trình bày.

Đối với dây hội mở ngày 15/02/2012 (âm lịch), bà U chưa giao đủ cho bà H1 và còn nợ lại 4.000.000 đồng.

Đối với dây hội tháng 500.000 đồng (không nhớ thời gian mở cụ thể), bà U chưa giao đủ cho bà H1 và còn nợ lại 1.000.000 đồng.

Bà H1 thừa nhận trước đây có thỏa thuận với bà U về việc cho bà U nợ lại số tiền hội do bà Lê Thị H2 chưa đóng đủ cho bà U. Tuy nhiên, do dây hội bà đã tham gia được gần 10 năm, nếu bà không chấp nhận theo ý kiến của bà U thì bà

sợ bà U không giao hụi cho bà nên bà mới phải thỏa thuận. Mặt khác, bà U cũng cam kết đòi lại số tiền do bà Lê Thị H2 nợ lại để giao đủ cho bà H1 và hụi đã mãn nhưng bà U cố tình không đòi nợ bà Lê Thị H2, việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1.

Bà H1 thống nhất trả 2.000.000 đồng cho bà U đồng thời phản tố yêu cầu bà U trả lại số tiền hụi 5.000.000 đồng chưa giao đủ.

Tại bản án sơ thẩm số 53/2022/DS - ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.
2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1.
3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị U số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
4. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, bà Nguyễn Thị U có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không buộc bà U phải trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2 vắng mặt. Xét thấy thỏa thuận vấn đề hụi giữa bà H1 và bà Nguyễn Thị U mà không có sự tham gia của bà Lê Thị H2 nên chỉ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa bà H1 với bà U, không liên quan đến bà Lê Thị H2. Mặt khác, xuyên suốt quá trình giải

quyết ở cấp sơ thẩm bà Lê Thị H2 đều vắng mặt và không nhận các Thông báo của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án mà không cần thiết phải hoãn phiên tòa.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 có yêu cầu phản tố yêu cầu bà U phải trả số tiền 5.000.000 đồng do bà U chưa giao đủ, trong đó nợ của dây hụi mùa mở ngày 15/02/2012 (âm lịch) là 4.000.000 đồng và nợ của dây hụi tháng là 1.000.000 đồng. Về phía nguyên đơn thừa nhận chưa giao đủ cho bị đơn số tiền nêu trên. Tuy nhiên, theo nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc bà Lê Thị H2 là hụi viên trong các dây hụi nêu trên chưa đóng hụi đầy đủ cho bà U nên khi nào bà Lê Thị H2 trả cho bà U thì bà U sẽ trả cho bà H1 số tiền 5.000.000 đồng. Hơn nữa, bà U cho rằng nội dung thỏa thuận trong giấy hụi ngày 15/02/2012 âm lịch tuy là bản pho to nhưng các đương sự thừa nhận có giấy hụi này, có ghi *“...kể từ ngày khai huội, đến 10 ngày sau gom tiền, 15 ngày chung hụi, vậy mong chị em tham gia huội, chanh thủ lo đóng tiền đúng hẹn, chủ huội không chịu đóng bù, cả chung sống và chung chết, gì số tiền lớn, mong chị em thông cảm, còn chung huội sống chơi giữa chừng bỏ cuộc, là phải chịu bỏ số tiền đóng, chủ huội không chịu trách nhiệm”* thì bà U không chịu trách nhiệm phải giao hụi đủ cho bà H1 vì trong các dây hụi do bà H1 tham gia thì còn hụi viên khác là bà Lê Thị H2 còn nợ lại hụi chết chưa đóng. Hội đồng xét xử nhận thấy với nội dung được bà U ghi trong giấy hụi nêu trên mục đích quy định nghĩa vụ của thành viên góp hụi với chủ hụi đó là phải tham gia và đóng hụi đầy đủ cho chủ hụi nhằm đảm bảo thuận lợi và quyền lợi cho chủ hụi là bà U, không phải quy định về việc chủ hụi không phải thực hiện nghĩa vụ hay không phải chịu trách nhiệm gom, giao hụi đủ cho thành viên được hốt hụi. Mặt khác, căn cứ vào khoản 3 Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP thì nghĩa vụ của chủ họ (hụi) là *“Giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ”*. Bà U là chủ hụi, được nhận hoa hồng vào mỗi kỳ mở hụi nên bà phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định nêu trên.

Đối với việc bà U và bà H1 có thỏa thuận bà U chưa giao đủ tiền hụi cho bà H1 do có liên quan đến nghĩa vụ của bà Lê Thị H2 nhưng không có có ý kiến của bà Lê Thị H2 là không đúng và không làm phát sinh nghĩa vụ của bà Lê Thị H2 trong thỏa thuận trên. Hơn nữa, hụi mãi được một thời gian dài, bà U cho rằng bà Lê Thị H2 chưa đóng đủ hụi nhưng bà U cũng không khởi kiện để đòi lại số tiền trên để trả lại cho bà H1 là không đảm bảo quyền lợi cho bà H1 trong khi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP thì bà U là chủ hụi có quyền *“Yêu cầu thành viên góp phần họ”*.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy lý do bà U đưa ra là do bà Lê Thị H2 chưa góp đủ phần hối cho bà U nên bà U chưa giao đủ hối cho bà H1 là không phù hợp với quy định của pháp luật, không đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ hối đối với hối viên. Mặt khác việc thỏa thuận cũng không thể thực hiện được vì không có sự tham gia thỏa thuận của bà Lê Thị H2 nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 số tiền hối còn nợ 5.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ - CP; Khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.
2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1.
3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị U số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
4. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004306 ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí (Bà Nguyễn Thị U đã nộp xong án phí).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004321 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Bà Nguyễn Thị Thúy H1 đã nộp xong án phí.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004439 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí. Bà U đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 30/3/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ, Hậu Giang;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Thọ